

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 05-07-2024

“Tranh chấp về HNGĐ - ly hôn,
chia tài sản chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt;

Ông Đinh Chí Tâm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh: Bà Nguyễn Thị Được - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 07 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 381/2023/TLPT-HNGĐ, ngày 30 tháng 11 năm 2023, về việc “*Tranh chấp về HNGĐ - Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 116/2023/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 69/2024/QĐXX-PT, ngày 14 tháng 6 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Mai H, sinh năm 1952;

Địa chỉ: 161D/64, đường L, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trương Mai H là: Ông Cao Minh T sinh năm 1970; Địa chỉ: số 273, khóm S, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Tô Văn T1, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Số nhà 17 Lô H, KDC ấp TB, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo uỷ quyền cho ông Tô Văn T1 là: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963; Địa chỉ: tổ 29, Khóm M, Phường 3, Thành Phố C, Đồng Tháp.

-Người kháng cáo: ông Tô Văn T1 là bị đơn;

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 27/9/2019, đơn xin rút một phần khởi kiện ngày 05/9/2023, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Trương Mai H trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà H và ông T1 chung sống với nhau và đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Tân D, sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do Bà H phát hiện ông T1 lừa đảo để đứng tên ngôi nhà chung với Bà H tại thửa đất số 07 ở S, ngoài ra khi về sống chung với ông T1 thì Bà H luôn phải chiều chuộng ông T1 lo lắng cho ông T1 nhưng ông T1 lại luôn đòi hỏi tài sản của bà vì yêu cầu bà bán tài sản nên hai bên thường xuyên cự cãi và dẫn đến vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống vợ chồng không thể kéo dài nên Bà H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Quá trình sống chung, vợ chồng không có tạo lập tài sản chung, các tài sản Bà H mua trong thời kỳ hôn nhân đều là từ tiền của Bà H. Đối với các yêu cầu của ông T1 Bà H có ý kiến như sau: Đối với một căn nhà và đất tọa lạc địa chỉ 222, đường T, Khóm 1, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Nhà và đất tại thửa 07, tờ bản đồ số 34 đứng tên Tô Văn T1, Trương Mai H. Nguồn gốc là Bà H mua năm 2016, mua của bà Lê Thanh, giá mua là 1.700.000.000đồng. Thủ tục đứng mua là cả ông T1 và Bà H cùng đứng mua, lý do có việc ông T1 đứng tên là vì tại thời điểm mua nhà Bà H không có quen ai ở S nên nhờ ông T1 thuê dịch vụ làm nhưng trong quá trình đi làm thủ tục thì ông T1 tự làm đứng tên chung với bà H mà không thông qua bà H. Nguồn tiền từ tiền của bà H bán căn nhà cũ trước đây của bà và chồng trước (căn nhà ở Sài Gòn), giá bán căn nhà là 6.250.000.000 đồng. Căn nhà và đất này hoàn toàn không có sự đóng góp gì của ông T1. Đối với căn nhà và tài sản trong nhà tại thửa đất số 07, tờ bản đồ số 37 ông T1 rút đơn không yêu cầu, Bà H cũng rút yêu cầu đối với tài sản này.

+ Đối với căn nhà và đất tọa lạc tại số 161D/64, đường L, Phường 3, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16 hiện đứng tên bà Trương Mai H. Tuy nhiên ông T1 xác định đây là tài sản chung của vợ chồng bà H không đồng ý mà cho rằng đây là tài sản riêng của Bà H. Ngôi nhà này bà H mua 2015, giá mua là 2.680.000.000đồng, hiện nay bà H đứng tên cá nhân tài sản này. Nguồn tiền mua là từ việc bà H bán nhà cũ riêng của bà H được 6.250.000.000đồng, bà H mua căn nhà ở S và mua căn nhà này. Việc ông T1 cho rằng có hùn vào là hoàn toàn bịa đặt. Sau khi mua nhà xong bà H cũng không có tiến hành sửa chữa ngôi nhà như ông T1 trình bày.

Bà H thống nhất giá nhà và đất tọa lạc tại 161D/64 là 5.000.000.000đồng nhưng không đồng ý chia theo yêu cầu của ông T1 vì đây là tài sản riêng của bà H và nguồn tiền cũng từ nguồn tiền bán căn nhà cũ của bà và chồng bà trước đây. Ông T1 không có công sức đóng góp tu sửa gì đối với căn nhà này.

+ Ngoài ra, số tiền tiết kiệm 400.000.000đồng Bà H đứng tên gửi năm 2017 tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín chi nhánh quận T. Khi bà gửi tiền thì lúc đó bà và ông T1 đã có mâu thuẫn không còn chung sống, và ông T1 đã về Tân D sống. Nay ông T1 yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ số tiền này. Số tiền này là tài sản riêng của bà H bà H đã tiêu xài hết nên không đồng ý theo yêu cầu của ông T1.

+ Xe máy hiệu Vison biển số 59M-28392 do bà H đứng tên mua năm 2012, đây là tài sản riêng của bà H nên không đồng ý theo yêu cầu của ông T1. Hiện nay chiếc xe này Bà H đã bán giá bán là 8.000.000đồng.

+ Vàng: 11,6 lượng vàng SJC; 96 chỉ vàng 9999, Bà H khẳng định không có số vàng này. Nên không đồng ý yêu cầu ông T1.

+ Tiền mặt 50.000.000đồng, không có số tiền này. Không đồng ý yêu cầu ông T1.

Ngoài ra, bà H cho rằng sống chung vợ chồng không có mua vàng kinh doanh vàng gì như bên ông T1 trình bày nên ông T1 cho rằng tiền gửi ngân hàng và mua bán nhà tích góp từ việc mua vàng là không đúng, hơn nữa từ ngày về sống chung ông T1 và Bà H không có tạo lập kinh doanh gì để hình thành nên khối tài sản này, ông T1 nói kinh doanh và có nguồn tiền trước đây từ là hoàn toàn bịa đặt, ông T1 về chung sống với bà H lúc đó ông T1 đã trên 60 tuổi, mất sức lao động và cũng không có làm thêm có thu nhập chung với Bà H.

- Về nợ khi ly hôn: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 04/6/2020, đơn xin rút một phần yêu cầu phản tố ngày 07/9/2023 và trong quá trình tố tụng, bị đơn Tô Văn T1 trình bày:*

- Về hôn nhân: Tình trạng hôn nhân vợ chồng có đăng ký kết hôn đúng như bà H trình bày, nhưng mâu thuẫn thì không có việc mâu thuẫn từ việc ông T1 tranh giành tài sản của bà H. Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông T1 đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung gồm có:

+ Một căn nhà và đất tọa lạc địa chỉ 222, đường Trần Hưng Đạo, Khóm 1, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Nhà và đất tại thửa 07, tờ bản đồ số 34 đứng tên Tô Văn T1, Trương Mai H. Nguồn gốc là ông T1, bà H mua

năm 2016, mua của bà Lê Thanh, giá mua là 1.600.000.000đồng. Thủ tục đứng mua là cả ông T1 và Bà H cùng đứng mua. Nguồn tiền từ tiền của ông T1 và Bà H đóng góp nhưng ông T1 đóng góp nhiều hơn (số tiền đóng góp sẽ cung cấp sau). Nay ông T1 rút yêu cầu đối với nhà, đất và tài sản vật dụng trong nhà tọa lạc tại S.

+ Đối với căn nhà và đất tọa lạc tại số 161D/64, đường L, Phường 3, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16 hiện đứng tên bà Trương Mai H. Tuy nhiên, ông T1 xác định đây là tài sản chung của vợ chồng vì nhà và đất này ông T1 và Bà H mua năm 2015, giá mua là 2.680.000.000đồng. Nguồn tiền mua là do ông T1, Bà H đóng góp vào nhưng ông T1 không nhớ bao nhiêu và cũng không có chứng cứ gì chứng minh. Sau khi mua nhà xong ông T1 tiến hành sửa chữa căn nhà này là khoảng 500.000.000đồng nhưng ông T1 cũng không có chứng cứ gì chứng minh về chi phí sửa chữa này. Ông T1 thống nhất giá nhà và đất tại Thành Phố Hồ Chí Minh là 5.000.000.000 đồng để làm cơ sở giải quyết vụ án. Ông T1 yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất, giao bà H nhận hiện vật là nhà và đất. Ông T1 không yêu cầu tài sản vật dụng trong nhà đối với ngôi nhà này.

Ông T1 cho rằng quá trình sống chung có biết Bà H bán căn nhà của chồng cũ của Bà H để lại nhưng giá bán thì không biết bao nhiêu, yêu cầu Bà H cung cấp hợp đồng mua bán nhà cũ trước đây cho Tòa án để làm cơ sở giải quyết.

+ Ngoài ra số tiền tiết kiệm 400.000.000đồng Bà H đứng tên gửi năm 2017 tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín chi nhánh quận Tân Bình. Ông T1 yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ số tiền này. Số tiền này bà H đang giữ, nguồn tiền này cũng từ việc kinh doanh mua bán vàng lấy lời của ông T1 Bà H.

+ Xe máy hiệu Vison biển số 59M-28392 do Bà H đứng tên mua năm 2012, giá trị hiện tại là 31.000.000 đồng. Hiện xe máy Bà H đã bán, ông T1 thống nhất giá bán 8.000.000đồng để làm cơ sở giải quyết. Ông T1 yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe đã bán.

+ Vàng: 11,6 lượng vàng SJC; 96 chỉ vàng 9999, hiện số vàng này Bà H đang giữ. Ông T1 yêu cầu chia đôi số vàng trên do vợ chồng nên ông T1 không có giữ giấy tờ, chứng cứ gì.

+ Tiền mặt 50.000.000đồng Bà H đang giữ ông T1 yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ số tiền này tiền này là tiền mua vàng bán ra có lời còn chứng cứ không có gì chứng minh.

Ông T1 sống chung với Bà H lúc đó ông T1 đã nghỉ hưu không có thu nhập chỉ có cùng bà H mua vàng tích trữ để có lời bán ra. Ông T1 có bỏ vốn

vào kinh doanh vàng với bà H nhưng chứng cứ góp vào ông T1 không có chứng cứ chứng minh nên không có nộp cho Tòa án.

*** Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:**

- Về hôn nhân: Cho Trương Mai H được ly hôn với Tô Văn T1.
- Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Tô Văn T1.

Căn nhà và đất tọa lạc tại số 161D/64, đường L, Phường 3, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16; Số tiền tiết kiệm 400.000.000 đồng Bà H đứng tên gửi năm 2017 tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín chi nhánh quận T; Xe máy hiệu Vison biển số 59M-28392 là tài sản riêng của bà Trương Mai H. Bà H tiếp tục sử dụng.

Không chấp nhận yêu cầu đối với 11, 6 lượng vàng, có giá 415.130.000 đồng và tiền mặt 50.000.000 đồng.

+ Đình chỉ đối với yêu cầu của ông T1, Bà H về việc xác định tài sản riêng, chia $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất thửa 07, tờ bản đồ số 34 tọa lạc địa chỉ 222, đường Trần Hưng Đạo, Khóm 1, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp;

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.
- Bị đơn là ông T1 cũng giữ yêu cầu kháng cáo.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Tô Văn T1, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Trương Mai H đối với ông Tô Văn T1 được Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông T1 không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo. Tòa án Tỉnh thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông T1 đối với việc yêu cầu chia tài sản chung; Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về hôn nhân: Bà H và ông T1 thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm nên không có kháng cáo; Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

- Về con chung thì 02 bên thống nhất không có con chung;

- Về tài sản chung: Ông T1 kháng cáo yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị các loại tài sản gồm:

- + Căn nhà và đất tọa lạc tại số 161D/64, đường L, Phường 3, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16;

- + Số tiền tiết kiệm 400.000.000 đồng bà H đứng tên gửi năm 2017 tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín chi nhánh quận Tân Bình;

- + Xe máy hiệu Vison biển số 59M-28392; hiện do bà Hưng đang quản lý sử dụng.

- + Yêu cầu chia 11, 6 lượng vàng, 96 chỉ vàng 9999 và tiền mặt 50.000.000 đồng.

Ngoài những tài sản trên thì ông T1 không còn yêu cầu chia đối với tài sản nào khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T1 cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh các tài sản mà ông yêu cầu là tài sản chung của ông và Bà H và có yêu cầu chia để Hội đồng xét xử xem xét. Bà H cũng không thừa nhận các tài sản mà ông T1 yêu cầu là tài sản chung của vợ chồng mà là tài sản riêng của bà, để chứng minh cho lời trình bày này, Bà H đã cung cấp được tất cả nguồn gốc, cũng như nguồn tiền để mua được tài sản đó. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông T1 là có căn cứ.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T1 nên giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T1, ông T1 phải chịu tiền án phí nhưng do ông T1 là người cao tuổi nên được miễn nộp số tiền này.

Xét lời trình bày và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T1, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, 56, 59, 81, 82, 116 Luật HNGĐ; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Tô Văn T1;

2. Giữ nguyên quyết định bản án hôn nhân sơ thẩm số 116/2023/HNGĐ-ST ngày 31/10/2023 của Tòa án huyện Lai Vung;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Mai H đối với Tô Văn T1. Cho bà Trương Mai H được ly hôn với ông Tô Văn T1

- Về con chung: Bà H, ông T1 thống nhất không có con chung.

- Về tài sản chung:

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Tô Văn T1 về việc yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị các tài sản gồm:

+ Căn nhà và đất tọa lạc tại số 161D/64, đường L, Phường 3, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16;

+ Số tiền tiết kiệm 400.000.000 đồng bà H đứng tên gửi năm 2017 tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín chi nhánh quận Tân Bình;

+ Xe máy hiệu Vison biển số 59M-28392 hiện do Bà H quản lý, sử dụng.

+ Số vàng 11,6 lượng vàng, 96 chỉ vàng 9999 và tiền mặt 50.000.000 đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu của ông T1, Bà H về việc yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất tại thửa 07, tờ bản đồ số 34 tọa lạc địa chỉ 222, đường Trần Hưng Đạo, Khóm 1, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp;

- Về án phí sơ thẩm và chi phí thẩm định, định giá:

+ Về án phí: Bà Trương Mai H và ông T1 thuộc trường hợp miễn tạm ứng và án phí theo quy định.

+ Về chi phí thẩm định, định giá: Ông T1 phải chịu chi phí thẩm định định giá là 12.100.000 đồng chi phí này ông T1 đã nộp và chi xong.

3. Về án phí phúc thẩm:

- Ông Tô Văn T1 không phải chịu tiền án phí phúc thẩm (do thuộc trường hợp được miễn).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. Lai Vung;
- Chi cục THADS H. Lai Vung;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Võ Trinh